

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/5/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên,

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thái Thị Viêt,

2. Bà Hồ Vũ Duy Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **89/2026/TLST-HNGĐ** ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị Ly N**, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ dân phố 1, Lộc Đại, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

**- Bị đơn:** anh **Nguyễn Xuân V**, sinh năm: 1992; địa chỉ: thôn 2, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ly N trình bày:** chị và anh Nguyễn Xuân V tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã Thanh Bình, thành phố Đà Nẵng*). Cuộc sống chung giữa anh chị không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V và không tiến hành hòa giải.

*Về con chung:* anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Nguyễn Thị Tường V thay đổi hộ tịch thành Nguyễn Hồng A), sinh ngày 30/6/2018; khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân V trình bày:* anh và chị Nguyễn Thị Ly N tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Thanh Bình, thành phố Đà Nẵng). Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị không còn thương yêu, không quan tâm đến nhau và nhiều năm nay, không còn chung sống với nhau. Chị N có yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Vì mâu thuẫn của anh chị cũng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

*Về con chung:* anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Hồng A (Nguyễn Thị Tường V), sinh ngày 30/6/2018; khi ly hôn, chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

*Về tài sản chung, nợ chung:* anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ly N và anh Nguyễn Xuân V; về con chung: giao cháu Nguyễn Hồng A (Nguyễn Thị Tường V thay đổi hộ tịch thành Nguyễn Hồng A), sinh ngày 30/6/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. *Về hôn nhân:* việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ly N và anh Nguyễn Xuân V dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào

năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Lập, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (*nay là xã Thanh Bình, thành phố Đà Nẵng*) nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo lời khai của các đương sự thể hiện: trong cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị không còn thương yêu, không quan tâm đến nhau và nhiều năm nay, không còn chung sống với nhau nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, cả nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị N và anh V.

[2.2]. *Về con chung*: trong thời gian chung sống, anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Hồng A (*Nguyễn Thị Tường Vy thay đổi hộ tịch thành Nguyễn Hồng A, theo trích lục thay đổi hộ tịch số 06/2021/TL-TĐHT ngày 30/7/2021 của UBND xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình*), sinh ngày 30/6/2018. Khi ly hôn anh chị đều thống nhất giao cháu Nguyễn Hồng A (*Nguyễn Thị Tường Vy*) cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu Nguyễn Hồng A (*Nguyễn Thị Tường Vy*) đang ở cùng chị N, cháu có nguyện vọng được ở cùng chị N và sự thỏa thuận giữa chị N, anh V là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ly N chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ly N.

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ly N và anh Nguyễn Xuân V ly hôn.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hồng A (*Nguyễn Thị Tường V thay đổi hộ tịch thành Nguyễn Hồng A*), sinh ngày 30/6/2018 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ly N chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) án phí sơ thẩm về ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo Biên lai thu số **0002632** ngày 19/3/2026. Chị N đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7, thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND xã Thanh Bình, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyên**









